

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 23/02/2021
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diễm Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Lộc
2. Bà Lê Thị Nga

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ tham gia phiên tòa: ông Phạm Thanh Long – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 235/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị P, sinh năm: 1979 (có mặt)
Địa chỉ thường trú: Ấp L, xã LN, huyện C, thành phố H.
Địa chỉ tạm trú: Ấp I, xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An.
- Bị đơn: Nguyễn Văn B, sinh năm: 1982 (vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 30, Ấp L, xã LN, huyện C, thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 27 tháng 8 năm 2019, bản tự khai, nguyên đơn Nguyễn Thị P trình bày: bà P và ông Nguyễn Văn B sống chung với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã LN, huyện C, thành phố H. Trong thời gian sống chung, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông B thường xuyên bài bạc, đá gà rồi về đánh vợ, không chăm lo cho cuộc sống gia đình, không đem tiền về nuôi con còn bắt bà P cho tiền để trả nợ. Ông bà đã ly thân đã được hơn một năm.

Về con chung: có hai người con chung tên là Nguyễn Ngọc T (sinh ngày 16/4/2003) và Nguyễn Ngọc L (sinh ngày 26/12/2007). Hiện tại hai con đang

sống với bà P nên bà yêu cầu trực tiếp nuôi hai con cho đến khi các cháu lần lượt đủ 18 tuổi, không yêu cầu ôngB cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn khai không có.

Cùng với việc nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, nguyên đơn đã nộp cho Tòa án Căn cước công dân và hộ khẩu của nguyên đơn (bản sao chứng thực); Giấy khai sinh của các con (bản sao chứng thực); Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính). Do tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp và đã được chứng thực hợp pháp nên không cần chứng minh.

Bị đơn Nguyễn Văn B đã được Tòa án nhân dân huyện Cần Giò tổng đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ nhưng không có ý kiến và cũng không đến tham gia tố tụng theo giấy Pêụ tập. Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của ôngB, qua kết quả xác minh hiện ôngB đi đâu không rõ nên Tòa án đã tổng đạt trực tiếp qua người thứ ba và niêm yết văn bản theo qui định tố tụng. Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của hai đương sự nhưng không nhận được kết quả từ Hội liên hiệp Phụ nữ xã Lý Nhơn.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các bên đương sự nhưng ôngB không có mặt tham gia tố tụng. Do đó, bà P có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên giữa các đương sự không hòa giải được toàn bộ nội dung của vụ án.

Tại phiên toà bà Nguyễn Thị P vẫn giữ nguyên yêu cầu. Bà P cho rằng bà vẫn cương quyết ly hôn bởi vì bản thân ôngB không chăm lo cho gia đình, bài bạc, rượu chè dẫn đến nợ nần phải bán nhà trả nợ rồi mỗi người có cuộc sống riêng khoảng 4 năm nay. Do từ khi cưới nhau đến nay ôngB không thay đổi mặc dù bà P đã cố gắng khắc phục, nhẫn nhịn nhiều lần, vì vậy bà mong muốn được ly hôn với ôngB.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cần Giò, thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Cần Giò, thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên bị đơn không có mặt tại địa phương và Tòa án cũng đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo qui định tại Điều 170, Điều 171, Điều 173, Điều 179 Bộ luật Tố tụng Dân sự là đúng trình tự, thủ tục. Tòa án đã Pêụ tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt và không có ý kiến đối với các yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, Tòa án đã áp dụng vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

Quan điểm giải quyết vụ án: Việc bà P xin ly hôn với ôngB là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; bởi mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và

Gia đình; Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P đối với việc ly hôn và con chung. Về tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn khai không có nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị P có đơn xin ly hôn đối với ông Nguyễn Văn B. Ông B đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ 30, ấp Lý Hòa Hiệp, xã Lý Nhơn, huyện Cần Giờ, thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự:

Căn cứ vào Điều 68 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Bà Nguyễn Thị P tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn.

Ông Nguyễn Văn B tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn.

Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận số 50 quyền số 01/2002 do Ủy ban nhân dân xã Lý Nhơn, huyện Cần Giờ, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/8/2002; không vi phạm các điều kiện kết hôn theo Luật Hôn nhân và Gia đình nên có đủ căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn B là hợp pháp, quyền lợi của các bên được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của bà P đối với ông B: Theo bà P đã khai, ông B và bà đã sống chung từ năm 2002 nhưng cuộc sống chung không được hạnh phúc, luôn xảy ra những mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và bản thân ông B không có trách nhiệm với gia đình, bài bạc nợ nần không chăm lo cho vợ con. Cách đây 04 năm do nợ nần nên bà P và ông B đã tự bán nhà trả nợ và chia tài sản chung, bà P đưa các con về nhà cha mẹ để sinh sống, ông B đi đâu bà không rõ, lâu lâu ghé thăm con rồi đi. Trong thời gian ly thân, hai bên không gần gũi quan tâm đến cuộc sống của nhau, ông B không quan tâm chăm sóc các con cũng như không làm tròn trách nhiệm của người cha, ông B bỏ mặc bà P tự xoay sở nuôi con. Điều đó cho thấy cả hai bên đều không còn tình cảm nên không mong muốn tạo dựng lại gia đình hạnh phúc.

Xét thấy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình thương yêu giữa hai vợ chồng, cùng vun đắp, chăm sóc lẫn nhau để xây dựng một gia đình hạnh phúc. Mâu thuẫn giữa bà P và ông B đã trầm trọng, không thể hàn gắn

được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bản thân ôngB khi biết được bà P yêu cầu ly hôn nhưng ông vẫn bỏ mặc, cho thấy ôngB không tha thiết đoàn tụ với bà P. Hội đồng xét xử xét bà Nguyễn Thị P yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn B là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở để chấp nhận.

- *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung tên là Nguyễn Ngọc Th (sinh ngày 16/4/2003) và Nguyễn Ngọc L (sinh ngày 26/12/2007), bà P không yêu cầu ôngB cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu trực tiếp nuôi các con của bà P là có cơ sở bởi trong thời gian ly thân vừa qua, các con đã sinh sống với bà P ổn định và cũng được sự quan tâm, chăm sóc, tạo điều kiện để cho con được phát triển về thể chất và tinh thần; bản thân ôngB không thể hiện trách nhiệm cũng như quan tâm đến cuộc sống của các con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà P.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Do bà Nguyễn Thị P là người nộp đơn xin ly hôn đối với ông Nguyễn Văn B nên bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 71, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình

- Căn cứ vào các Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9, Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị P đối với ông Nguyễn Văn B. Quan hệ hôn nhân của ôngB và bà P chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao hai người con chung tên là Nguyễn Ngọc Th (sinh ngày 16/4/2003) và Nguyễn Ngọc L (sinh ngày 26/12/2007) cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu lần lượt đủ 18 tuổi. Không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với ôngB.

Ông Nguyễn Văn B có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì quyền lợi của con chung, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm

2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng; người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, bà P phải tạo điều kiện để ông B thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc con của mình.

3. Tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 06658 ngày 03 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giò; bà Nguyễn Thị P đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND H. Cần Giò, TP.HCM;
- THADS H. Cần Giò, TP.HCM;
- UBND xã Lý Nhơn;
- Lưu: vp.hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Diễm Châu